

THÔNG TIN CHUNG

Sàn giao dịch: HOSE
Ngành: Bán lẻ
Nhân viên: 60258
Vốn hóa (VND): 89,151B

THÔNG TIN CÔNG TY

Địa chỉ: 222 Yersin - P.Phú Cường - Tp.Thủ Dầu Một -
T.Bình Dương
Điện thoại: (84.28) 3812 5960
Website: <http://mwg.vn>

TÓM TẮT KINH DOANH

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG) là nền tảng bán lẻ đa ngành nghề số 1 Việt Nam về doanh thu và lợi nhuận. Với chiến lược omni-channel, Công ty vận hành mạng lưới hàng ngàn cửa hàng trên toàn quốc song song với việc tận dụng hiểu biết sâu rộng về khách hàng thông qua nền tảng dữ liệu lớn, năng lực chủ động triển khai các hoạt động hỗ trợ bán lẻ được xây dựng nội bộ và liên tục đổi mới công nghệ nhằm tạo ra trải nghiệm khách hàng vượt trội và thống nhất ở mọi kênh cũng như nâng cao sự gắn kết của người tiêu dùng với các thương hiệu của MWG.

6 THÁNG



5 NĂM



THÔNG TIN CHI TIẾT

Giá đóng cửa	61.000
Beta	1.225
Đơn vị tiền	VND
Cổ phiếu lưu hành	6B

PHẦN TRĂM THAY ĐỔI

Thay đổi 1 ngày	0.00%
Thay đổi 5 ngày	-0.65%
Thay đổi 3 tháng	-10.03%
Thay đổi 6 tháng	-3.92%
Thay đổi trong tháng	0.99%
Thay đổi trong năm	44.86%

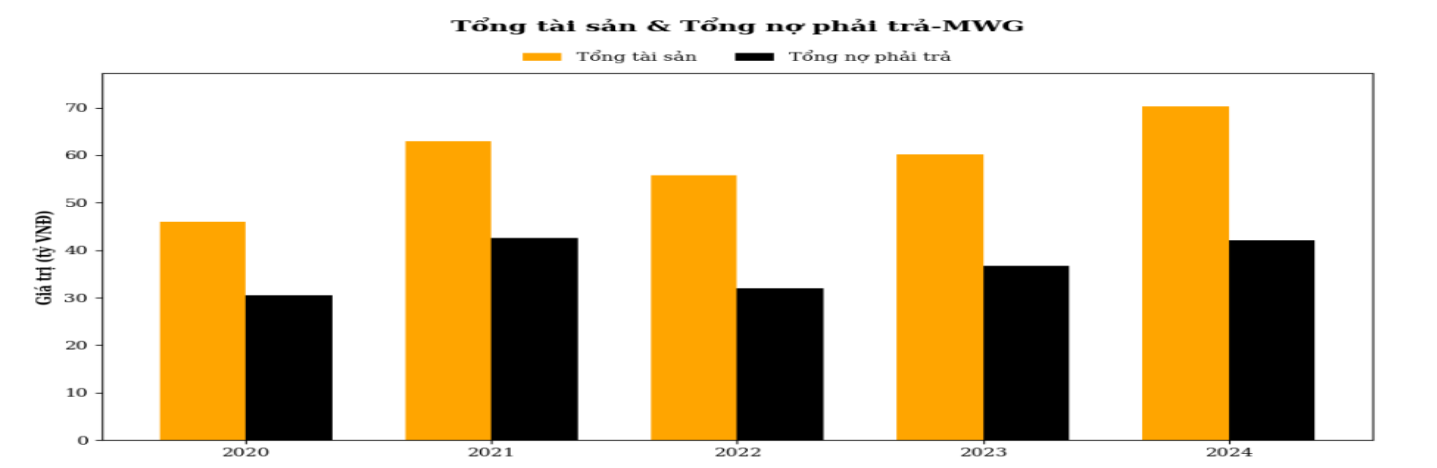
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Theo báo cáo tài chính quý 4/2024, CTCP Đầu tư Thế giới Di động (mã MWG) ghi nhận tổng doanh thu 34.574 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước.

Biên lợi nhuận gộp đạt 19%, giảm so với mức 19,7% của quý 4/2023. Doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ đạt 636 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024
Tổng tài sản hiện có	37,317.23	51,955.26	44,577.61	51,950.34	65,774.19
Bất động sản/Nhà xưởng/Thiết bị	7,294.96	9,647.17	9,727.50	6,500.14	3,586.63
Tổng tài sản	46,030.88	62,971.40	55,834.10	60,111.24	70,218.71
Nợ ngắn hạn	29,422.51	42,593.16	26,000.26	30,765.26	42,097.13
Nợ dài hạn	1,126.68	0.00	5,901.25	5,986.42	0.00
Tổng nợ phải trả	30,549.19	42,593.16	31,901.51	36,751.68	42,097.13



AI PHÂN TÍCH

Biểu đồ thể hiện tổng tài sản và tổng nợ phải trả của MWG qua các năm từ 2020 đến 2024. Tổng tài sản của MWG có xu hướng tăng trưởng ổn định qua các năm, từ khoảng 45 nghìn tỷ VND năm 2020 lên khoảng 70 nghìn tỷ VND vào năm 2024. Tổng nợ phải trả cũng tăng từ năm 2020 đến 2021, sau đó giảm nhẹ vào năm 2022 và giữ mức tương đối ổn định trong những năm tiếp theo. Điều này cho thấy MWG đã kiểm soát tốt nợ sau giai đoạn tăng trưởng mạnh. Tỷ lệ nợ trên tài sản giảm qua các năm, thể hiện sự cải thiện trong cấu trúc tài chính và khả năng quản lý vốn. Xu hướng này cho thấy MWG đang duy trì sự ổn định tài chính trong khi vẫn mở rộng tài sản, là tín hiệu tích cực cho nhà đầu tư. Việc kiểm soát nợ và tăng trưởng tài sản bền vững có thể ảnh hưởng tích cực đến quyết định đầu tư vào MWG trong tương lai.

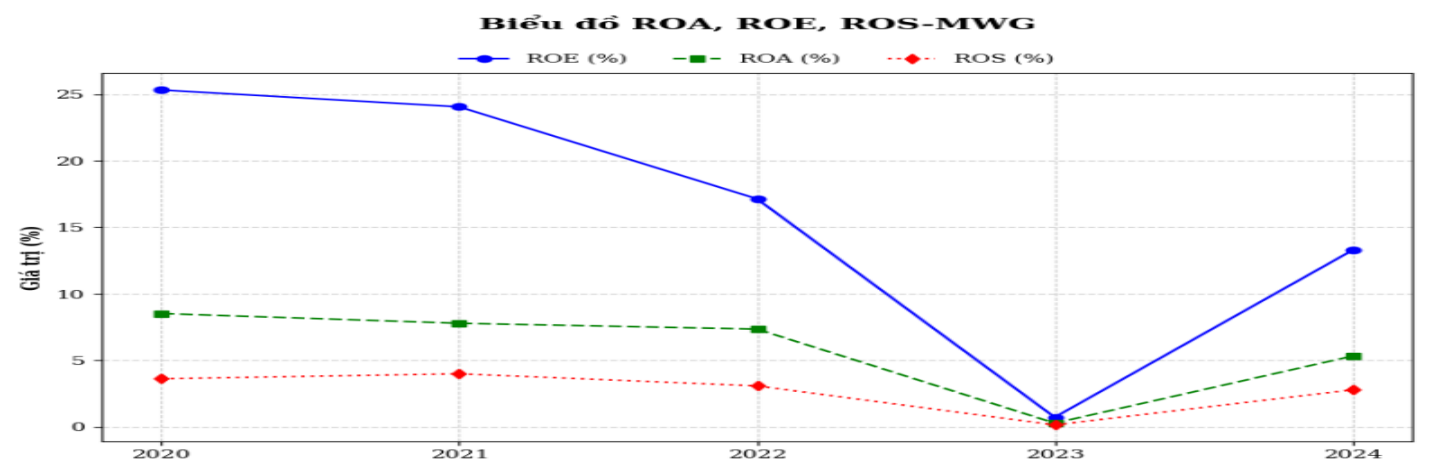
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu	108,546.02	122,958.11	133,404.78	118,279.79	134,341.15
Chi phí hoạt động	68,663.57	76,697.09	78,823.28	73,286.32	85,803.64
Thu nhập ròng trước thuế	5,409.74	6,471.58	6,056.36	689.69	4,825.76
Thu nhập ròng sau thuế	3,919.87	4,901.43	4,101.71	167.83	3,733.29
Thu nhập ròng trước khoản mục bất thường	5,409.74	4,907.40	3,583.38	-189.55	3,332.01

HIỆU SUẤT SINH LỜI

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024
----------	------	------	------	------	------

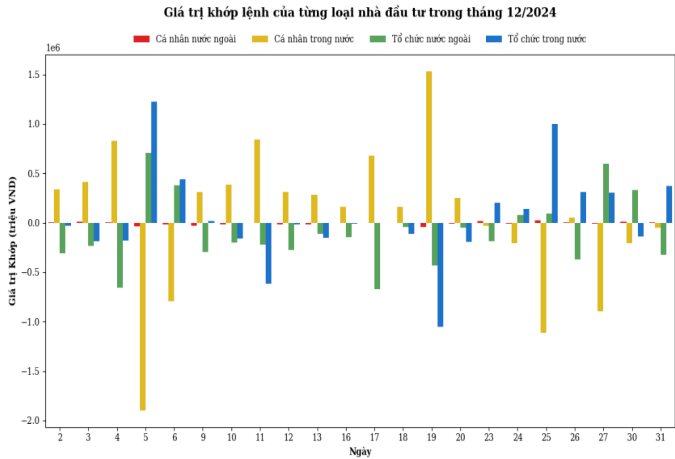
ROE, %	25.32	24.05	17.14	0.72	13.28
ROA, %	8.52	7.78	7.35	0.28	5.32
ROS, %	3.61	3.99	3.07	0.14	2.78
Biên lợi nhuận hoạt động, %	0.04	0.04	0.03	0.00	0.03
Doanh thu/Tổng tài sản, %	235.81	195.26	238.93	196.77	191.32
Nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu, %	7.28	0.00	24.66	25.63	0.00
TTổng nợ /Vốn chủ sở hữu, %	197.32	209.01	133.30	157.33	149.70



AI PHÂN TÍCH

Biểu đồ thể hiện sự thay đổi của các chỉ số tài chính ROE, ROA và ROS của MWG qua các năm từ 2020 đến 2024. Xu hướng chính cho thấy cả ba chỉ số đều giảm dần từ 2020 đến 2023, sau đó ROE và ROA bắt đầu phục hồi vào năm 2024. Cụ thể, ROE giảm mạnh từ khoảng 25% năm 2020 xuống dưới 5% năm 2023 trước khi tăng trở lại lên khoảng 13% năm 2024. ROA và ROS cũng có xu hướng tương tự, giảm từ mức lần lượt khoảng 8% và 4% năm 2020 xuống mức thấp nhất vào năm 2023, sau đó ROA phục hồi nhẹ vào năm 2024. Sự suy giảm này cho thấy MWG gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ vốn chủ sở hữu, tài sản và doanh thu trong giai đoạn 2020-2023. Tuy nhiên, sự phục hồi của ROE và ROA vào năm 2024 là tín hiệu tích cực. Xu hướng này có thể ảnh hưởng đến quyết định đầu tư khi các nhà đầu tư cần cân nhắc khả năng phục hồi và chiến lược dài hạn của công ty.

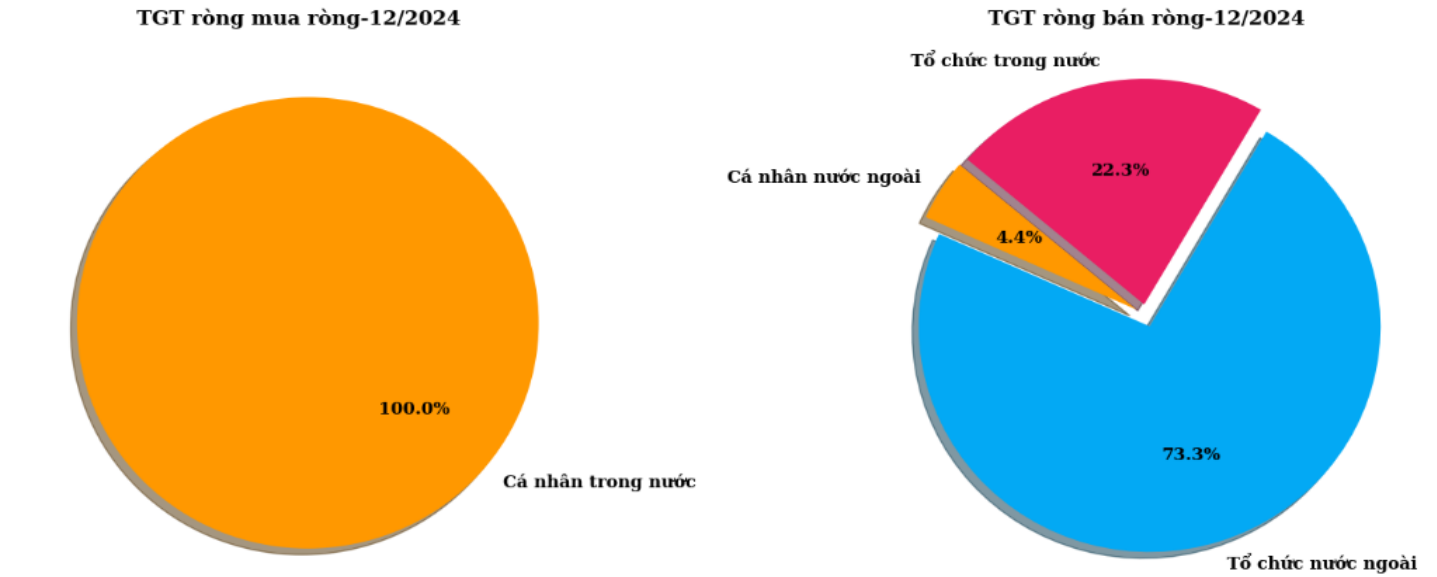
KHỚP LỆNH NHÀ ĐẦU TƯ



AI PHÂN TÍCH

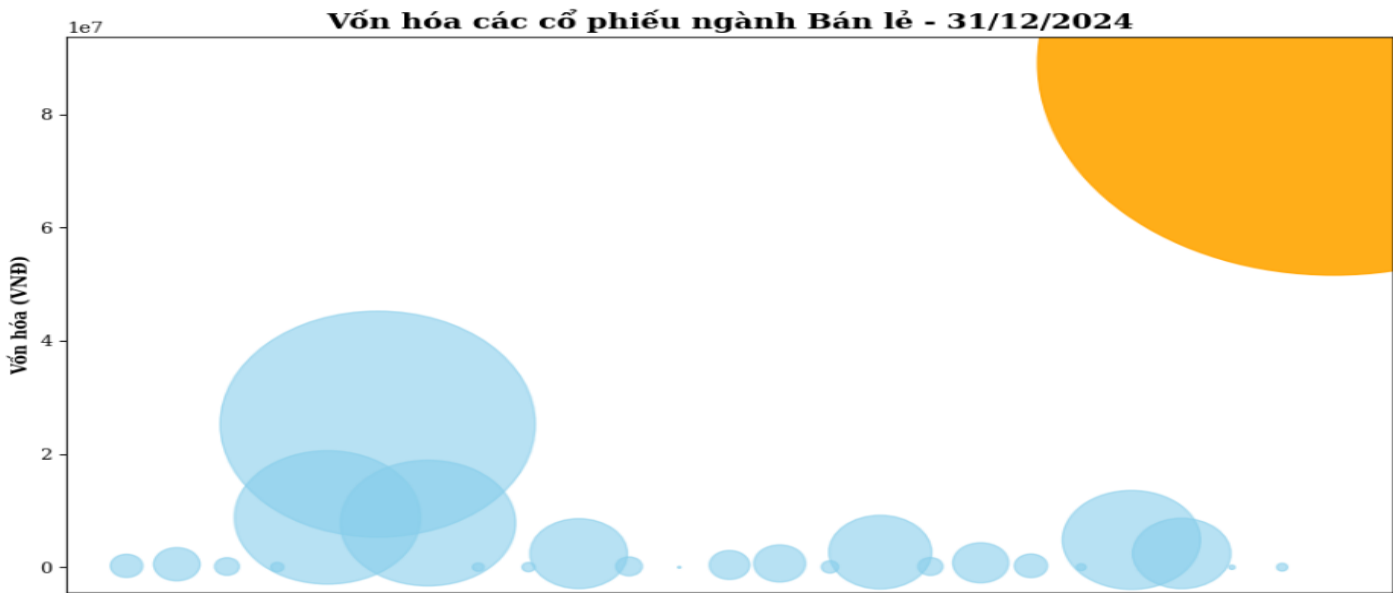
Biểu đồ thể hiện giá trị khớp lệnh của các loại nhà đầu tư trong tháng 12/2024. Xu hướng chính cho thấy nhà đầu tư cá nhân trong nước (màu vàng) có giá trị khớp lệnh lớn và biến động mạnh, với cả giá trị dương và âm. Tổ chức trong nước (màu xanh dương) cũng có vai trò quan trọng, với một số ngày ghi nhận giá trị khớp lệnh lớn. Nhà đầu tư nước ngoài, cả cá nhân và tổ chức, có giá trị khớp lệnh nhỏ hơn so với nhà đầu tư trong nước. Một số ngày như ngày 5, 13, 19 và 25 cho thấy sự biến động mạnh mẽ. Về mặt tài chính, sự thống trị của nhà đầu tư trong nước cho thấy thị trường phụ thuộc lớn vào nguồn vốn nội địa. Biến động lớn có thể tạo ra cả cơ hội và rủi ro cho nhà đầu tư. Sự khác biệt giữa các loại nhà đầu tư cho thấy sự phân hóa trong chiến lược đầu tư. Thông tin này có thể ảnh hưởng đến quyết định đầu tư khi nhà đầu tư cần cân nhắc xu hướng và động thái của các nhóm đầu tư chính.

PHÂN TÍCH CƠ CẤU



AI PHÂN TÍCH

Biểu đồ thể hiện giá trị giao dịch (TGT) ròng mua và bán ròng vào tháng 12/2024, phân loại theo các nhóm nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, cả tổ chức và cá nhân. Xu hướng chính cho thấy cá nhân trong nước chiếm 100% giá trị mua ròng, trong khi phía bán ròng được phân bổ chủ yếu cho tổ chức nước ngoài (73.3%), tiếp theo là tổ chức trong nước (22.3%), và cá nhân nước ngoài (4.4%). Điều này cho thấy sự dịch chuyển dòng tiền từ các nhà đầu tư trong nước sang các tổ chức nước ngoài. Về mặt tài chính, tỷ lệ bán ròng cao của tổ chức nước ngoài có thể phản ánh chiến lược tái cơ cấu danh mục đầu tư hoặc chốt lời. Việc cá nhân trong nước mua ròng toàn bộ cho thấy sự kỳ vọng vào thị trường, dù có nguy cơ mua ở mức giá cao. Xu hướng này có thể ảnh hưởng đến quyết định đầu tư khi các nhà đầu tư cần cân nhắc liệu dòng tiền từ tổ chức nước ngoài có phải là dấu hiệu của sự điều chỉnh thị trường hay không.



AI PHÂN TÍCH

Biểu đồ thể hiện vốn hóa của các cổ phiếu ngành Bán lẻ vào ngày 31/12/2024. Xu hướng chính cho thấy sự tập trung vốn hóa ở một số mã cổ phiếu lớn, trong khi phần lớn các mã còn lại có vốn hóa nhỏ. Một mã cổ phiếu nổi bật (được tô màu vàng) chiếm tỷ trọng vốn hóa rất lớn so với phần còn lại, cho thấy sự chi phối của nó đối với ngành. Các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ phân bố chủ yếu ở mức dưới 4 triệu VND, phản ánh sự phân hóa rõ rệt giữa các doanh nghiệp lớn và nhỏ trong ngành. Về mặt tài chính, việc một cổ phiếu chiếm tỷ trọng lớn có thể ảnh hưởng đến độ rủi ro và tính thanh khoản của ngành. Đối với nhà đầu tư, biểu đồ cho thấy cần cân nhắc chiến lược đầu tư giữa các mã lớn chi phối thị trường và các mã nhỏ có tiềm năng tăng trưởng. Sự phân hóa này cũng đặt ra yêu cầu đánh giá kỹ lưỡng các yếu tố cơ bản của từng doanh nghiệp trước khi đưa ra quyết định đầu tư vào ngành Bán lẻ.